

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III (09 THÁNG, NĂM 2021)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III (09 THÁNG, NĂM 2021)	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	4,942,175,000	4,414,235,980	89.32
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	100,000,000	108,098,200	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	129,900,000	86,161,780	66.33
3	Thu bổ sung	4,712,275,000	3,854,860,000	81.80
	- Thu bổ sung cân đối	4,486,675,000	3,527,500,000	
	- Thu bổ sung có mục tiêu	225,600,000	327,360,000	145.11
4	Thu chuyển nguồn		365,116,000	
II	TỔNG SỐ CHI	4,912,175,000	4,088,289,796	83.23
1	Chi đầu tư phát triển			#DIV/0!
2	Chi thường xuyên	4,912,175,000	4,088,289,796	83.23
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

Bạch Đằng, ngày 05 tháng 10 năm 2021

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Tặng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẠCH ĐẰNG**

Biểu số 114/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III (09 THÁNG, NĂM 2021)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III (09 THÁNG, NĂM 2021)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU		4,942,175	0	4,414,236.0		89.32
I	Các khoản thu 100%		100,000	0	108,098.2		108.10
	Phí, lệ phí		10,000		3,098.2		30.98
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		80,000		98,500.0		123.13
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác		10,000		6,500.0		65.00
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		129,900	0	86,161.8		66.33
1	Các khoản thu phân chia		77,900		59,511.4		76.39
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		3,900				
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						#DIV/0!
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		4,000		13,940.0		348.50
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		70,000		45,571.4		65.10
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		52,000		20,484.4		39.39
	Thuế thu nhập cá nhân		16,000		3,261.3		20.38

	Thuế giá trị gia tăng hộ cá thể		36,000		17,223.1		47.84
3	Thu tiền sử dụng đất				6,166.0		#DIV/0!
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				365,116.0		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		4,712,275		3,854,860.0		81.80
	- Thu bổ sung cân đối		4,486,675		3,527,500.0		78.62
	- Thu bổ sung có mục tiêu		225,600		327,360.0		145.11

Bạch Đằng, ngày 05 tháng 10 năm 2021

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Trần Văn Tạng

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III (09 THÁNG, NĂM 2021)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III (09 THÁNG, NĂM 2021)				SO SÁNH %	
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	4,942,175	0	4,942,175	4,088,289	0	3,969,211	709	#DIV/0!	80.31
	Trong đó				0					
1	Chi giáo dục	0								
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ				0					
3	Chi y tế				0					
4	Chi quốc phòng	225,171		225,171	154,071		154,071	68.42		68.42
5	Chi an ninh	89,889		89,889	47,472		47,472	52.81		52.81
6	Chi văn hóa, thông tin	215,219		215,219	138,466		138,466	64.34		64.34
7	Chi phát thanh, truyền thanh	35,920		35,920	22,100		22,100	61.53		61.53
8	Chi thể dục thể thao	39,000		39,000			0	0.00		0.00
9	Chi bảo vệ môi trường	75,000		75,000	49,100			65.47		0.00
10	Chi các hoạt động kinh tế	50,000		50,000	69,978			139.96		0.00
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3,648,400		3,648,400	3,156,267		3,156,267	86.51		86.51
12	Chi cho công tác xã hội	475,166		475,166	369,478		369,478	77.76		77.76
13	Chi khác	88,410		88,410	81,357		81,357	92.02		92.02
14	Dự phòng ngân sách									

Bạch Đằng, ngày 05 tháng 10 năm 2021

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Trần Văn Tạng